

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

Bản án số: 40 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/07/2022

“ V/v: Ly hôn giữa ông H
và bà N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế P

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ - Bà Vũ Thị T.

2/ - Bà Lê Thị O.

Thư ký phiên tòa: - Bà Trần Thị T - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: - Bà Lê Thị T –
Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11/07/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa
xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 111 /2022/HNGĐ-ST Ngày
27/04/2022 về việc "Xin ly hôn" giữa:

*- Nguyên đơn: ông Phạm Văn H - Sinh năm 1963

+ Trú quán và HKTT tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh H. (Có mặt tại phiên tòa).

*- Bị đơn: bà Lê Thị N - Sinh năm 1966

+ Trú quán và HKTT tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt tại phiên
tòa).

***- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ - Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1987.

+ Trú quán và HKTT tại: Thôn T xã B huyện K tỉnh H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2/ - Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1989.

+ Trú quán và HKTT tại: Thôn Đ xã B huyện K tỉnh H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, nguyên đơn ông
Phạm Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông kết hôn với bà Lê Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã B
vào năm 1985, trên cơ sở hai bên tự nguyện. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh
phúc bình thường được một thời gian, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Năm 2014 hai
ông đã ra Tòa ly hôn nhau. Đến năm 2016 thì đoàn tụ về chung sống và lại đến UBND

xã B đăng ký kết hôn. Tuy nhiên cũng chỉ được khoảng một năm thì lại nảy sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2021 bà N về nhà để sinh sống, nên từ đó đến nay hai ông bà sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông xin được ly hôn với bà N vì không có hạnh phúc, tình cảm.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là anh Phạm Văn H (sinh năm 1987) và chị Phạm Thị H (sinh năm 1989), đều đã lớn trưởng thành và tự lập riêng. Nên vấn đề nuôi con chung không yêu cầu đặt ra.

Về chia tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà cũng khai nhận về thời gian, điều kiện, H cảnh kết hôn như ông Phạm Văn H trình bày trên đây. Nhưng bà không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Việc nuôi con chung không yêu cầu đặt ra.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia.

Tại biên bản ghi lời khai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị H đều trình bày: Đều đã trưởng thành và tự lập, có gia đình riêng.

Bà Lê Thị N, anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị H đều xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Phạm Văn H vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ vì đã nhiều lần vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Cho ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Lê Thị N; Con chung: Vấn đề nuôi con chung không đặt ra; Tài sản chung, công nợ chung và công sức chung của ông Phạm Văn H và bà Lê Thị N thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này; Nguyên đơn ông Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Việc ông Phạm Văn H và bà Lê Thị N kết hôn có đăng ký là hợp pháp xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống ông bà đã nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau đã nhiều tháng nay. Cuộc sống hạnh phúc đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Lê Thị N.

Về con chung: Ông H và bà N có hai con chung là anh Phạm Văn H (sinh năm 1987) và chị Phạm Thị H (sinh năm 1989), đều đã lớn trưởng thành và tự lập riêng. Nên vấn đề nuôi con chung không đặt ra.

Về chia tài sản: Do cả ông H và bà N đều không yêu cầu phân chia, nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án ly hôn này. Khi nào ông, bà có yêu cầu phân chia thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Cần đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

** - Áp dụng:* - Các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

**- Xử :*

1. – *Về hôn nhân:* Cho ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Lê Thị N.

2. – *Về con chung:* Có hai con chung là anh Phạm Văn Hà (sinh năm 1987) và chị Phạm Thị Hằng (sinh năm 1989), đều đã lớn trưởng thành, nên vấn đề nuôi con chung không đặt ra.

3. – *Về chia tài sản:* Không đặt ra xem xét. Khi nào ông Phạm Văn H, bà Lê Thị N có yêu cầu phân chia thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

4. – *Về án phí:* Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng dự phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0007734 ngày 27/04/2022 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nên việc nộp án phí đã xong).

5.- *Về quyền kháng cáo:* Ông Phạm Văn H (Có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/07/2022. Bà Lê Thị N, anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị H (Vắng mặt tại phiên tòa) đều được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa P nơi cư trú./

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

- Nơi nhận:

+ TAND& VKSND tỉnh H

+ VKSND& CC THADS huyện K.

+ UBND xã B.

+ Các đương sự.

+ Lưu Hồ sơ, VP.